

127. ĐỚI BỜ (*coastal zone*),

vùng chuyển tiếp giữa lục địa và biển, bao gồm cả vùng đất ven biển (kể cả nước mặt và nước ngầm) và vùng biển ven bờ (kể cả các phần đất nổi trên và nằm dưới). Ngoài đới bờ (ĐB), trong tiếng Việt còn có một số thuật ngữ khác như *vùng bờ*, hay *vùng ven bờ* tương đương, hoặc chỉ một vùng quản lý cụ thể thuộc phạm vi ĐB. ĐB là một hệ tự nhiên có quy mô toàn cầu, chiếm khoảng 8% diện tích bề mặt Trái đất, nơi xảy ra tương tác mạnh mẽ giữa các quá trình lục địa và biển, giữa các hoạt động nội sinh, ngoại sinh và cả nhân sinh.

Phạm vi ĐB được quan niệm khác nhau tùy theo mục đích nghiên cứu, quản lý và sử dụng. Theo Chương trình Tương tác Đại dương-Lục địa ở ĐB (LOICZ), ở quy mô toàn cầu, ĐB “là khu trải rộng từ đồng bằng ven biển tới mép thềm lục địa, được xem là vùng ngập chìm và phơi cạn luân đổi trong các kỳ dao động mực nước biển trong giai đoạn Đệ tứ muộn”. Các quốc gia quy định phạm vi ĐB khác nhau. Ở Việt Nam, một số công trình nghiên cứu đã xác định ranh giới phía biển của ĐB ở khoảng độ sâu 30-50 m và ranh giới phía lục địa theo địa giới hành chính cấp huyện ven biển. Tuy nhiên, về phương diện quản lý, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ về “Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo”, đã quy định ranh giới ngoài ĐB nằm cách mực biển thấp nhất trung bình nhiều năm 6 hải lý và ranh giới trong lấy theo đơn vị cấp xã có biển.

Về cấu trúc, ĐB gồm đới xa bờ, đới giáp bờ, đới trên bờ và đới sau bờ (Hình 1). Đới xa bờ gồm: thềm lục địa và rạn san hô. Đới giáp bờ gồm: tiền bờ, cửa sông, bãi biển, đất ngập nước và đồng bằng triều, v.v. Đới trên bờ gồm: gò, đụn cát, đê cát và bãi cát. Đới sau bờ gồm đầm lầy sau cồn chắn, đồng bằng, v.v. ĐB khá đa dạng về kiểu loại và nguồn gốc địa hình, gồm: đầm phá, vũng vịnh, cửa sông, vách bờ và bãi đá, đụn cát, đê cát, bãi biển, bãi triều, bãi lầy mặn, biển nông, rạn san hô, v.v. Ở ĐB có mặt các loại đá trầm tích, magma, biến chất có tuổi, thành phần, cấu tạo rất khác nhau và các loại trầm tích bờ rời từ rất mịn như bùn sét đến cát, cuội và tảng. Các hệ sinh thái ĐB rất phong phú và đa dạng, với các hệ đặc thù như vùng cửa sông, đầm phá, rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, v.v.

ĐB là kết quả của tiến hóa địa chất lâu dài, gắn liền với quá trình dâng cao mực nước biển trong biển tiến sau băng hà lần cuối. Các yếu tố và quá trình quy định bản chất ĐB bao gồm các thành tạo địa chất, chuyển động kiến tạo, nguồn cung cấp và vận chuyển trầm tích ven bờ; chế độ thủy văn sông và hải văn (sóng, thủy triều, dòng chảy), đặc điểm khí hậu và các hệ sinh thái.

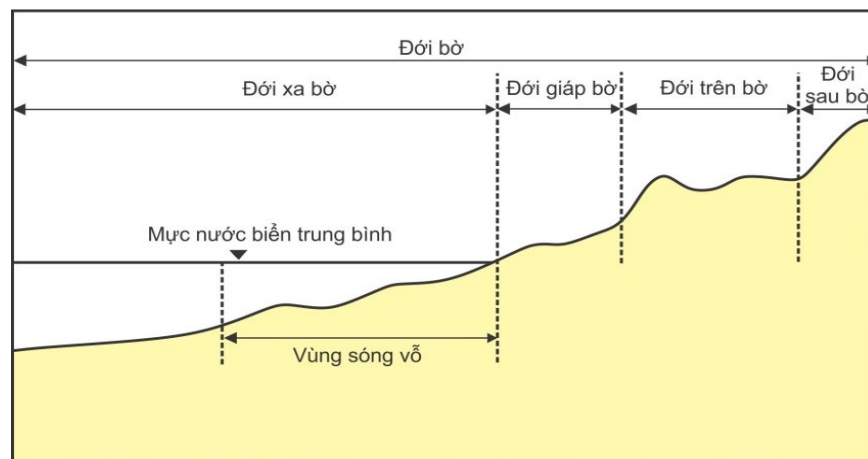
Tài nguyên ĐB phong phú và đa dạng gồm tài nguyên sinh vật (đa dạng sinh học, các hệ sinh thái, tiềm năng bảo tồn, nguồn lợi thủy sản mặn - lợ, tiềm năng nuôi trồng thủy sản, v.v.); tài nguyên phi sinh vật (năng lượng tái tạo, dầu khí, sa khoáng, vật liệu xây dựng, các tiềm năng phát triển du lịch và cảng - hàng hải, v.v.); tài nguyên vị thế có giá trị cao về cả môi trường, kinh tế-xã hội và chính trị; tài nguyên xã hội - nhân văn gồm các di tích và di sản văn hóa, v.v. ĐB có nhiều khu bảo tồn tự nhiên như vườn

quốc gia, khu bảo tồn biển; khu dự trữ sinh quyển thế giới, các di sản thiên nhiên quốc tế và quốc gia như Vịnh Hạ Long, vịnh Nha Trang, v.v.

ĐB là nơi sinh cư và giàu nguồn thức ăn cho các loài, trong đó có con người, có các bãi giống, bãi đẻ cho các loài sinh vật cả ven bờ và xa bờ. ĐB cung cấp thực phẩm, hàng hóa, nguyên nhiên liệu và các dịch vụ cho xã hội, đặc biệt là cộng đồng ven biển. ĐB giữ vai trò điều hòa môi trường, thời tiết, khí hậu; nhận bồi tích sông, dòng dinh dưỡng và cả các chất gây ô nhiễm từ lục địa.

Nhờ tài nguyên giàu có và điều kiện sống thuận lợi, ĐB thường là nơi tập trung dân cư, nơi có nhiều thành phố lớn, có hệ thống giao thông huyết mạch quốc gia cả về đường sắt, đường bộ và đường thủy; nơi tập trung các hải cảng lớn-cửa ngõ thông thương, mở cửa và hội nhập với thế giới. Đây cũng là nơi tập trung các khu kinh tế biển, các khu công nghiệp, khu chế xuất và các trung tâm du lịch - dịch vụ lớn.

ĐB là khu vực rất nhạy cảm, tài nguyên và môi trường dễ thay đổi và suy thoái do các tác động tự nhiên và nhân sinh. Các hoạt động kinh tế-xã hội gây áp lực lớn tới sức khỏe môi trường và tính nguyên vẹn của ĐB. Tại đây, nguy cơ ô nhiễm rất cao do các chất thải tại chỗ và từ trên lưu vực. Cảnh quan tự nhiên, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học dễ bị hủy hoại hoặc tổn thương do tác động của con người. Đây cũng là nơi thường xảy ra các sự cố môi trường như: tràn dầu và hóa chất, các thiên tai như: bão lốc, xói lở, sa bồi, ngập lụt, xâm nhập mặn, động đất, sóng thần, v.v. và nhạy cảm với biến đổi khí hậu, dâng cao mực nước biển. Để phát triển bền vững, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam đã và đang thực hiện các chương trình quản lý tổng hợp ĐB nhằm hài hòa các mục tiêu phát triển, giảm thiểu các mâu thuẫn lợi ích, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ngăn ngừa và phòng tránh thiên tai.



Hình 1. Sơ đồ cấu trúc ĐB

Tài liệu tham khảo

1. Lê Đức An, *Đới bờ biển Việt Nam-Cấu trúc và tài nguyên thiên nhiên*, Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2015.
2. Biliana Cicin-Sain, *Sustainable development and integrated coastal management*, Ocean and Coastal Management, 1993, Vol.21 (1-3), p.11-43. .
3. Clark, J.R., *Coastal zone management handbook*. Lewis Publishers, 1996, 720p.
4. Pernetta J.C., Milliman J.D., *Land-Ocean Interactions in the coastal zone – Implementation plan*, Global Change IGCP Report, 1995, No.33, 215p, .
5. UNCED (United Nations Conference on Environment and Development), *The Rio Declaration on Environment and Development*, Agenda 21, Rio de Janeiro, Brazil, 1996.